

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 02 - 2021
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Đức.

Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/QĐXX-ST ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Nhà số 85, đường N, khu phố B, Phường 3, thành phố T tỉnh Long An (chỗ ở hiện nay: Nhà số 58, đường N1, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Thanh K, sinh năm 1984; Địa chỉ: Nhà số 848, Quốc Lộ 62, Phường 2, thị xã K, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 2013 bà với ông K tìm hiểu, thương yêu nhau và tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M. Hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc từ khi cưới đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Từ đó, tình cảm vợ chồng rạn nứt và lạnh nhạt nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay bà với ông K đã sống ly thân nên không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng bà H, ông K chung sống có người con chung tên Hồ Nguyễn Ánh N2, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2018, giới tính: Nữ,

hiện tại bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H cam kết không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án số 145/TB-TLVA ngày 14/12/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 80/TB-TA ngày 15/12/2020 đã tổng đạt hợp lệ cho ông K theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông K không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời bà H có đơn không tiến hành hòa giải nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Nhà số 85, đường, khu phố B 2, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An (chỗ ở hiện nay: Nhà số 58, đường N1, Phường 3, thành phố T, tỉnh Long An) khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con với ông Hồ Thanh K, sinh năm 1984; Địa chỉ: Nhà số 848, Quốc Lộ 62, Phường 2, thị xã K, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông K theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông K không có mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi có Quyết định hoãn phiên tòa đã tổng hợp lệ cho ông K theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông K không có mặt và bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt có chính quyền địa phương xác nhận. Do đó Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông K và bà H là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị H với ông Hồ Thanh K **có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M. Đây là hôn nhân hợp pháp nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.**

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H xác định không còn tình nghĩa vợ chồng với ông Hồ Thanh K, không còn điều kiện, khả năng để hàn gắn trở lại xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu được ly hôn với ông K. Xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà H với ông K đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hiện tại hai người đã sống ly thân. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian vợ chồng bà H, ông K chung sống có người con chung tên Hồ Nguyễn Ánh N2, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2018, giới tính: Nữ. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của bà H là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận yêu cầu của bà H là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Bà H xác định không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà H cam kết không có không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với bị đơn ông Hồ Thanh K từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử không có văn bản ghi ý kiến của mình, không đến tham gia phiên hòa giải và phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điểm b khoản 1 Điều 3, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 và từ Điều 81 đến Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Hồ Thanh K.

Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Hồ Thanh K.

Về con chung: Tiếp tục giao người con tên Hồ Nguyễn Ánh N2, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2018, giới tính: Nữ cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Hồ Thanh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009518 ngày 10/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bà H và ông K biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND Phường 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

